Đương Số: Xemtuong - Dương Nam
Cung mệnh: Tân Tỵ - Thai Nguyên: Kỷ Mão
Thân Nhược: Kim 21/50
Dụng Thần: Hỏa Thủy

XemTuong.net
lá số tứ trụ và bình giải

Trụ Năm 2020	Trụ Tháng 12	Trụ Ngày 14	Trụ Giờ 23:01
Kiếp	Ấn	Thân	Ấn
CANH	MẬU	TÂN	MẬU
TÝ	TÝ	MÃO	TÝ
Tử	Thai	T.Tài	Thai
Tử	Thai	T.Sinh	Thai
Quý	Quý	Tuyệt	Quý
Thực	Thực	Ất	Thực
L.Quan	L.Quan	T.Tài	L.Quan
		Bệnh	
Trường Sinh	Trường Sinh	Tuyệt	Trường Sinh
Văn Xương	Văn Xương	Tướng Tinh	Văn Xương
Tướng Tinh	Tướng Tinh	Hồng Loan	Tướng Tinh
Đào Hoa	Đào Hoa	Â.Đương Lệch	Đào Hoa
	Học Đường	Cấu	Học Đường
	Đức Qúy Nhân	Cửu Quý PH.	Đức Qúy Nhân
			Cửu Quý PH.

Đại Vận 0 (0 - 6 tuổi)	Đại Vận 1 (7 - 16 tuổi)	Đại Vận 2 (17 - 26 tuổi)	Đại Vận 3 (27 - 36 tuổi)
Ấn	Kiêu	Kiếp	Tỷ
MẬU	KỶ	CANH	TÂN
TÝ	SỬU	DẦN	MÃO
Thai	Mộ	Tuyệt	Tuyệt
Quý	Kỷ	Giáp	Ất
Thực	Tân	Bính	T.Tài
L.Quan	Quý	Mậu	L.Quan
	Kiêu	Ấn	
	Tỷ	Quan	
	Thực	T.Sinh	
	Mộ	T.Sinh	
	Dưỡng		
	Q.Đới		

Đại Vận 4 (37 - 46 tuổi)	Đại Vận 5 (47 - 56 tuổi)	Đại Vận 6 (57 - 66 tuổi)	Đại Vận 7 (67 - 76 tuổi)
Thương	Thực	Tài	T.Tài
NHÂM	QUÝ	GIÁP	ẤT
THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI
Mộ	Thai	Tử	Dưỡng
Mậu	Mậu	Kỷ	Kỷ
Ất	Bính	Đinh	Ất
Quý	Canh	Kiêu	Đinh
Ấn	Ấn	Sát	T.Tài
T.Tài	Kiếp	L.Quan	Sát
Thực	T.Sinh	L.Quan	Q.Đới
Q.Đới	L.Quan		Q.Đới
Q.Đới	L.Quan		Dưỡng
Dưỡng			

Đại Vận 8 (77 - 86 tuổi)	Đại Vận 9 (87 - 96 tuổi)	Đại Vận 10 (97 - 106 tuổi)	Đại Vận 11 (107 - 116 tuổi)
Quan	Sát	Ấn	Kiêu
BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ
THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
Bệnh	T.Sinh	Mộ	Thai
Canh	Tân	Mậu	Giáp
Mậu	Tỷ	Đinh	Tài
Nhâm	L.Quan	Tân	Nhâm
Ấn		Sát	Thương
Kiếp		Tỷ	L.Quan
Thương		Dưỡng	
Bệnh		Q.Đới	
T.Sinh			

Kiếp	2020	1 tuổi	Tỷ	2021	2 tuổi	Thương	2022	3 tuổi	Thực	2023	4 tuổi	Tài	2024	5 tuổi
CANH	TÝ	Tử	TÂN	SỬU	Dưỡng	NHÂM	DẦN	Bệnh	QUÝ	MÃO	T.Sinh	GIÁP	THÌN	Suy
T.Tài	2025	6 tuổi	Quan	2026	7 tuổi	Sát	2027	8 tuổi	Ấn	2028	9 tuổi	Kiêu	2029	10 tuổi
ẤT	TỴ	M.Dục	BÍNH	NGỌ	Đ.Vượng	ĐINH	MÙI	Q.Đới	MẬU	THÂN	Bệnh	KỶ	DẬU	T.Sinh
Kiếp	2030	11 tuổi	Tỷ	2031	12 tuổi	Thương	2032	13 tuổi	Thực	2033	14 tuổi	Tài	2034	15 tuổi
CANH	TUẤT	Suy	TÂN	HỢI	M.Dục	NHÂM	TÝ	Đ.Vượng	QUÝ	SỬU	Q.Đới	GIÁP	DẦN	L.Quan
T.Tài	2035	16 tuổi	Quan	2036	17 tuổi	Sát	2037	18 tuổi	Ấn	2038	19 tuổi	Kiêu	2039	20 tuổi
ẤT	MÃO	L.Quan	BÍNH	THÌN	Q.Đới	ĐINH	TỴ	Đ.Vượng	MẬU	NGỌ	Đ.Vượng	KỶ	MÙI	Q.Đới
Kiếp	2040	21 tuổi	Tỷ	2041	22 tuổi	Thương	2042	23 tuổi	Thực	2043	24 tuổi	Tài	2044	25 tuổi
CANH	THÂN	L.Quan	TÂN	DẬU	L.Quan	NHÂM	TUẤT	Q.Đới	QUÝ	HỢI	Đ.Vượng	GIÁP	TÝ	M.Dục
T.Tài	2045	26 tuổi	Quan	2046	27 tuổi	Sát	2047	28 tuổi	Ấn	2048	29 tuổi	Kiêu	2049	30 tuổi
ẤT	SỬU	Suy	BÍNH	DẦN	T.Sinh	ĐINH	MÃO	Bệnh	MẬU	THÌN	Q.Đới	KỶ	TỴ	Đ.Vượng
Kiếp	2050	31 tuổi	Tỷ	2051	32 tuổi	Thương	2052	33 tuổi	Thực	2053	34 tuổi	Tài	2054	35 tuổi
CANH	NGỌ	M.Dục	TÂN	MÙI	Suy	NHÂM	THÂN	T.Sinh	QUÝ	DẬU	Bệnh	GIÁP	TUẤT	Dưỡng
T.Tài	2055	36 tuổi	Quan	2056	37 tuổi	Sát	2057	38 tuổi	Ấn	2058	39 tuổi	Kiêu	2059	40 tuổi
ẤT	HỢI	Tử	BÍNH	TÝ	Thai	ĐINH	SỬU	Mộ	MẬU	DẦN	T.Sinh	KỶ	MÃO	Bệnh
Kiếp	2060	41 tuổi	Tỷ	2061	42 tuổi	Thương	2062	43 tuổi	Thực	2063	44 tuổi	Tài	2064	45 tuổi
CANH	THÌN	Dưỡng	TÂN	TỴ	Tử	NHÂM	NGỌ	Thai	QUÝ	MÙI	Mộ	GIÁP	THÂN	Tuyệt
T.Tài	2065	46 tuổi	Quan	2066	47 tuổi	Sát	2067	48 tuổi	Ấn	2068	49 tuổi	Kiêu	2069	50 tuổi
ẤT	DẬU	Tuyệt	BÍNH	TUẤT	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MẬU	TÝ	Thai	KỶ	SỬU	Mộ
Kiếp	2070	51 tuổi	Tỷ	2071	52 tuổi	Thương	2072	53 tuổi	Thực	2073	54 tuổi	Tài	2074	55 tuổi

CANH	DẦN	Tuyệt	TÂN	MÃO	Tuyệt	NHÂM	THÌN	Mộ	QUÝ	TỴ	Thai	GIÁP	NGỌ	Tử
T.Tài ẤT	2075 MÙI	56 tuổi Dưỡng	Quan BÍNH	2076 THÂN	57 tuổi Bệnh	Sát ĐINH	2077 DẬU	58 tuổi T.Sinh	Ấn MẬU	2078 TUẤT	59 tuổi Mộ	Kiêu KỶ	2079 HỢI	60 tuổi Thai

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Xemtuong,
Chúng tôi xin gởi đến Quý Cháu Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không dúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết… nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính sát và không chịu trách nhiệm với bất khì lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem nội quy trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tỗi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!
Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ năm Tý Thủy được Thông căn Mộ *.
Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ tháng Tý Thủy được Thông căn Mộ *.
Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ ngày Mão Mộc không thông, là vô căn.
Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ giờ Tý Thủy được Thông căn Mộ *.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.
Điểm 4.5/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm Canh sinh tháng Tý tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.
Can Tháng Mậu sinh tháng Tý tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.
Can Ngày Tân sinh tháng Tý tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.
Can Giờ Mậu sinh tháng Tý tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Kỷ Mão (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)
Thai Tức: Bính Tuất (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)
Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Mão Tuất này là lục hợp Hỏa cục, hơi tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên Kỷ Mão nạp âm là Thổ, gặp cung mệnh Tân Tỵ nạp âm là Kim là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Cháu được phúc lộc.
Thai nguyên Kỷ Mão nạp âm là Thổ, gặp trụ năm Canh Tý nạp âm là Thổ là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.
Thai nguyên Kỷ Mão nạp âm là Thổ, gặp trụ tháng Mậu Tý nạp âm là Hỏa là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.
Thai nguyên Kỷ Mão nạp âm là Thổ, gặp trụ ngày Tân Mão nạp âm là Mộc là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.
Thai nguyên Kỷ Mão nạp âm là Thổ, gặp trụ giờ Mậu Tý nạp âm là Hỏa là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quái về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh Tý là Kim sinh Thủy.
Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng Mậu Tý là Thổ khắc Thủy.
Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Tân Mão là Kim khắc Mộc.
Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Mậu Tý là Thổ khắc Thủy.
Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này hơi xấu, nhưng sương mù che lối, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà tránh được rủi ro.
Điểm 2/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Tân Mão và Canh Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.
Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Tân Mão và Mậu Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.
Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Tân Mão và Mậu Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: Kim 21/50
Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân Kim Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là 21/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 19/36 điểm là thân Kim Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính

lại là Thân Nhược Kim, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Cháu ở mức Trung Bình** không vượng cũng không nhược. Để Quý Cháu Trai rỏ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Kim thì dụng thần nên là **Thổ** để sinh thêm **Kim**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: Hỏa Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là **Hỏa** (dụng thần 1)
Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị… Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Cháu vì Hỏa là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Hỏa.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 2)
Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hằng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bát, dọn rửa, nước chảy, càng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ , y tá, bói toán… Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Cháu vì Thủy là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Thủy.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công

sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Tý** bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.
Trụ Tháng **Mậu Tý** bị **Giáp Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Ngọ**.
Trụ Ngày **Tân Mão** bị **Đinh Dậu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Dậu**.
Trụ Giờ **Mậu Tý** bị **Giáp Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Ngọ**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.

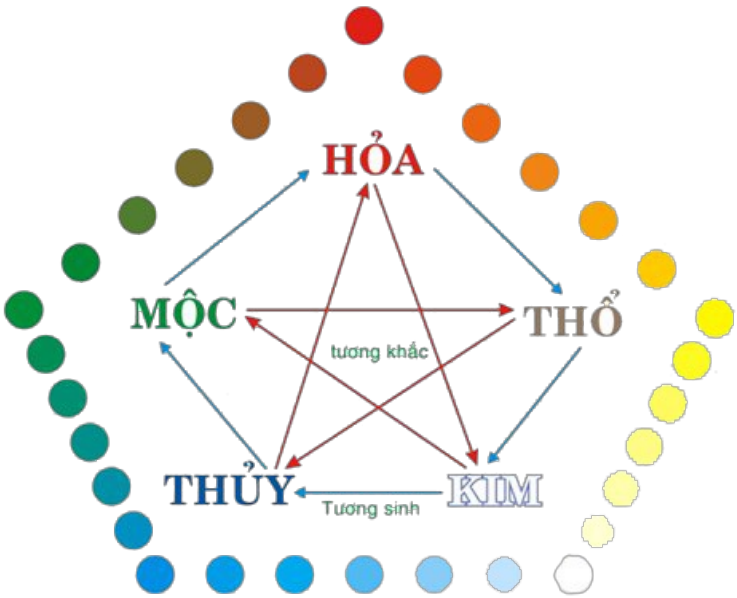

Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ẩm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mướt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao.Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.
Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác…

Quý Cháu Người Thuộc Kim Nhược

Người mà Kim nhược thì vóc dáng gầy, nhỏ, tư cách vô tình, có khi nham hiểm, tham dâm, háo sát. Đặc biệt, đây là mẫu người tham lam vô bờ bến và biển lận. Người mà Kim quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Kim quá vượng như bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản.

Cung Mệnh ở Tỵ sao Thiên văn

Quý Cháu văn chương phát đạt, nữ hôn nhân đẹp.

Trụ năm của Quý Cháu có Kiếp Tài

Trụ năm có kiếp tài (kiếp) là con thứ: thích lý tài trọng nghĩa khí. Nếu trụ khác cũng có kiếp tài thì hôn nhân dễ có biến đổi hoặc anh em cùng cha khác mẹ.

Trụ tháng của Quý Cháu có Chánh Ấn

Trụ tháng có chính ấn (ấn): Thông minh nhân từ, một đời bình an ít bệnh tật. Nếu bốn can không có thiên tài (Tài) thì múa bút thành danh. Trường hợp gặp tháng chi cũng có chính ấn và ngày chi xung thì nhà mẹ trước kia lưu lạc.

Trụ ngày của Quý Cháu có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khẳng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biểu hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Cháu có Chánh Ấn

Trụ giờ có chính ấn (ấn) thì con cái thông minh nhân từ. Nếu can chi đều chính ấn thì thích mưu sự, không lo kế sinh nhai. Trường hợp tháng can có chính quan sinh ấn, giờ có chính ấn thì khi gặp năm vận quan ấn thì hiển vinh phát đạt. Nếu mệnh tọa vượng địa thì được con cái hạnh phúc có hiếu.

Trong tứ trụ có Tí

Có 3 Tí: nặng về việc hôn nhân.

Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Cửu quý phòng hại

Gặp ngày cửu quý phòng hại vợ chồng dễ bất hòa, nữ thì sinh nở thường khó khăn.

Trụ năm có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ tháng có Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ giờ có Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ năm có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Chi năm có sống dê, chủ về phá hoại những cái tổ tiên để lại hoặc có khuynh hướng lấy oán báo đức.

Tứ Trụ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sống dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sống dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ năm có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Năm có Sống dê: Xuất thân nghèo hèn, hoặc có tính lấy oán báo ân.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163)

Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối.
Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ.
Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng.
Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa.
Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nỗi tiếng, cuộc đời giàu sang.

Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.
Nếu có thiên ất quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi thố, ý chí bị bó buộc.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Dức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Cấu (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cấu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cấu. Cấu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hình phạt. Ngày tuế vận gặp cấu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.
Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.
Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.
Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".
Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.
Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.
Nếu làm những nghề khác thì thì nói chung đều thành công.
Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.
Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.
Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ất quý nhân.
Xem kỷ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.
Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.
Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ
Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm Quý Cháu gặp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Trụ năm Quý Cháu sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cưa tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.
Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Cháu tài nhiều làm tổn thương ấn
Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.
Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có hai ấn là cha có hai đời vợ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.
Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Chi tháng giống chi năm là không có tổ nghiệp.

Ấn thụ bị thương tổn thì khó giữ được tài sản của ông chà.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Can năm đóng ở tử tuyệt, mộ hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Âm dương xô lệch nhau là giao thiệp bạn bè ít.

Năm tháng không có tài, quan, ngày giờ không có tài quan là tự mình phấn đấu làm nên cơ nghiệp.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tháng và ngày Quý Cháu tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.
Quý Cháu Nam tuổi **Canh Tý** hợp với Nữ tuổi **Tân Dần** - **Mậu Thân** - **Kỷ Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tuỳ ý chọn.

Vợ chồng Quý Cháu có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Cháu gặp Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn.
Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ví dụ : bính tí, kỉ sửu, mậu dần, tân mão, nhâm thìn, quý tị, bính ngọ, đinh mùi, mậu thân, tân dậu, nhâm tuất, quý hợi.

Nam ấn nhiều thì khắc vợ, nữ ấn nhiều thì dâm loạn.

Quý Cháu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ
Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Cháu có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Cháu là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Cháu lấy suy làm hại.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.
Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Cháu có Tài tinh đóng ở trường sinh không bị xung khắc là vợ thọ.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu Nam gặp mộ tuyệt là vợ có bệnh hoặc tính nết không hiền lành, hoặc vợ đến tuổi cao vẫn còn tái giá.

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người . Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Cháu thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Cháu có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Trụ tháng Quý Cháu gặp ấn thụ là người giàu sang, vinh hiển.

Quý Cháu có Ấn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tứ trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quý Cháu có Thực Thần đới hợp, làm quan nắm quyền nắm con dấu (hợp Ấn).

Quý Cháu có Thực Thần đới hợp, làm quan nắm quyền nắm con dấu (hợp Ấn).

Trụ Quý Cháu không Tài cũng không có Quan, khó mà có chức tước.

Quý Cháu có Tháng Ấn sinh cho ngày, không có Tài tinh, văn chương giỏi giang, đi thi là đậu.

Quý Cháu Có Ấn không có Sát thiếu uy phong.

Quý Cháu Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Nghề Nghiệp

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Thực Thần và Chính Ấn đồng trụ, mà Ấn là dụng thần, hợp nghề viết lách.

Thực Thần và Chính Ấn đồng trụ, mà Ấn là dụng thần, hợp nghề viết lách.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Thủy
Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel…Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa
Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy ất mộc làm vợ, ất mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Quý Cháu có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Quý Cháu Ấn thụ nhiều là con ít.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Cháu suy là sinh con gái.

Ấn gặp ngôi con là Quý Cháu được vinh hiển nhờ con.

Quý Cháu có Đào hoa đóng ở trụ giờ là con cái đẹp, thông minh, phong lưu.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chầu miệng có dái tai to.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh còn gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Hoa cái Quý Cháu ở trụ giờ và thai là con nuôi.

Trong trụ Quý Cháu hàm trì nhiều là đứa con không được cha mẹ nuôi nấng.

Quý Cháu Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Cháu Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Quý Cháu Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Quý Cháu Trong trụ nhiều Hợi Tý, bệnh ở tiểu tràng, bụng dưới.

Kim quá nhược hoặc tử tuyệt, chú ý khí hư, ho, da khô, đau khớp, lòi dom , đi tiêu ra máu, hô hấp không thông suốt, dễ cảm mạo, nếu nặng thì có thể bị bệnh phổi.

Ấn là hỏa thổ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mình mẩy bị ngứa.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh.., chi là tý sửu dần mão…) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới… Suy, Bệnh, Tử… Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp…
Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).
10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp… Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, dó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trương những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ…, nếu Quý Cháu chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thân	Tỷ	Suy	T.Tài		Dưỡng
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Ất	Quý	Kỷ	Ất	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mộ	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự… Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính“). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.
Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử … Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn… Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc…

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ… Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ….

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ…. Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhậy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh…

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,… Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang… Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em.…

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh.…

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giầu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoản thọ (?). Người tài nhiều thì diễm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ.…

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mão hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhậy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giầu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần tử vi bình giải để nắm rỏ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.
XemTuong.net